TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2025/DS-ST
Ngày: 14/11/2025
V/v "*"Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Cường

Ông Lâm Dũ Quang

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tăng Hoàng Khang – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 và ngày 14 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 về việc: *"Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2025/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Ong Thị L, sinh năm 1960. Địa chỉ: khu V, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn E, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số nhà H, khu vực N, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: số nhà H ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị T, sinh năm 1951; Địa chỉ: khu V, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có yêu cầu vắng mặt)

2/ Ông Trần Văn D, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp M, xã M, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: ấp M, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có yêu cầu vắng mặt)

3/ Bà Trần Thị P, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp H, xã T, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ cũ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có yêu cầu vắng mặt)

4/ Ông Trần Văn V, sinh năm 1956; (vắng mặt)

4/ Ông Trần Văn M, sinh năm 1958; (vắng mặt)

5/ Ông Trần Văn N, sinh năm 1983; (vắng mặt)

6/ Ông Trần Văn M1, sinh năm 1986; (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu V, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

7/ Thi hành án dân sự thành phố C; Địa chỉ: số A, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024 (BL01) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ong Thị L trình bày:

Căn cứ vào Bản án, quyết định số 22/2023/DS-ST ngày 13/04/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng và quyết định thì hành án số 1143/QĐ-CCTHADS ngày 18/07/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu buộc ông Trần Văn E và bà Trần Thị X phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Ong Thị L số tiền 827.175.000 đồng (T1 trăm hai mươi bảy triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay thì phía ông E, bà X vẫn chưa trả cho bà L bất cứ khoản tiền nào dù bà L đã nộp đơn yêu cầu thi hành án. Qua xác minh điều kiện thi hành án thì Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu biết được ông Trần Văn E được hưởng tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 15.000m² thuộc thửa số 237, tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng theo di chúc lập ngày 01/05/2005 của ông Trần Văn S để lại. Sau đó Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu đã ra thông báo số 101/TB-THADS ngày 17/01/2024 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản liên quan đến người phải thi hành án. Chi cục thi hành án dân sự đã thông báo cho người phải thi hành án là ông Trần Văn E và những người được thừa kế di sản của ông Trần Văn S bao gồm: bà Trần Thị T, ông Trần Văn V, ông Trần Văn M, ông Trần Văn D, bà Trần Thị P, ông Trần Văn N, ông Trần Văn M1. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận thông báo những người thừa kế có quyền tự thỏa thuận phân chia tài sản hoặc khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết phân chia di sản của ông Trần Văn S. Đã hết thời hạn 30 ngày nhưng ông Trần Văn E và những người thừa kế của ông Trần Văn S vẫn không tự thỏa thuận phân chia tài sản hoặc nộp đơn ra Tòa án yêu cầu giải quyết. Căn cứ theo khoản 1 Điều 74 của Luật thi hành án dân sự thì chấp hành viên đã gửi thông báo cho bà L (là người được thi hành án), bà L có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tải sản của người phải thi hành án là ông Trần Văn

E trong phần di sản thừa kế của ông Trần Văn S theo thủ tục tố tụng.

Nay tại phiên tòa bà Ong Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định phần tài sản theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất 13360.5m^2 thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) theo di chúc lập ngày 01/05/2005 của ông Trần Văn S để lại là thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn E để ông Trần Văn E có đủ điều kiện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án là trả nợ cho bà Ong Thị Lệ .

Theo biên bản ghi lời khai đề ngày 01/7/2024 (BL42), bị đơn ông Trần Văn E trình bày: Ông Trần Văn E có sử dụng diện tích 15000m^2 thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 02 tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, phần đất này bà L yêu cầu Tòa án giải quyết hiện đang do ông E quản lý, phần đất này chỉ được cha mẹ cho mượn, không được sang bán cho ai hết, cha mẹ cho mượn từ năm 2001. Qua yêu cầu của bà L ông E không đồng ý giao đất cho cơ quan nhà nước phát mãi trả lại cho bà L, ông E yêu cầu bà L tạo điều kiện cho ông E như trước kia là bao thức ăn con giống để ông E tiếp tục nuôi tôm mới có tiền thanh toan rả cho bà L được.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 12/8/2024 (BL46-47) cũng như quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị P trình bày: Trước đây cha mẹ đã chia đất cho bà P xong rồi, đối với yêu cầu của bà L thì bà P không có ý kiến, cha mẹ cho ông Trần Văn E bao nhiêu đất thì ông E cứ hưởng bấy nhiêu.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 16/8/2024 (BL46-47) cũng như quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày: Trước đây cha mẹ đã chia đất cho bà T xong rồi, đối với yêu cầu của bà L thì bà T không có ý kiến, cha mẹ cho ông Trần Văn E bao nhiêu đất thì ông E cứ hưởng bấy nhiêu.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 12/8/2024 (BL51-52) cũng như quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn D trình bày: Đối với yêu cầu của bà L ông D không có ý kiến, cha mẹ cho ông Trần Văn E bao nhiêu đất thì ông E cứ hưởng bấy nhiêu.

Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ vắng mặt tại tất cả các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

Theo biên bản xác minh ngày 13/11/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn M trình bày. Trước đây cha mẹ đã chia đất cho ông M xong rồi, đối với yêu cầu của bà L thì ông M không có ý kiến, cha mẹ cho ông Trần Văn E bao nhiêu đất thì ông E cứ hưởng bấy nhiêu.

Theo biên bản xác minh ngày 13/11/2025 cũng như quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn V trình bày. Trước đây cha mẹ đã

chia đất cho ông V xong rồi, đối với yêu cầu của bà L thì ông V không có ý kiến, cha mẹ cho ông Trần Văn E bao nhiêu đất thì ông E cứ hưởng bấy nhiêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Cần Thơ phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M1 chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự còn lại chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chứng cứ được thu thập đầy đủ, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án tiến hành thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L về việc xác định phần tài sản diện tích đất theo đo đạc thực tế 13360.5m^2 thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) theo di chúc lập ngày 01/5/2005 của ông Trần Văn S để lại là thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn E, để ông Trần Văn E có đủ điều kiện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án là trả nợ cho bà Ong Thị Lệ . Về chi phí tố tụng và án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và tư cách đương sự: Trước đây Tòa án có xác định bà Trần Thị X là bị đơn trong vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bà X nhưng bà X đều vắng mặt và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu tài sản là của ông Trần Văn E theo tờ di chúc lập ngày 01/5/2005. Do đó Tòa án quyết định không đưa bà Trần Thị X vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn. Trước đây Tòa án xác định Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, do quá trình sáp nhập địa giới hành chính. Hội đồng xét xử xác định lại tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bị đơn ông Trần Văn E, nhưng ông E vẫn vắng mặt không có lý do, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà

Trần Thị P, Trần Thị T, ông Trần Văn D, ông Trần Văn M, ông Trần Văn V có yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Thi hành án dân sự thành phố C vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn ông Trần Văn E có địa chỉ cư trú ở khu vực N, phường K, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ cũ: ấp N, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và diện tích đất nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, vị trí đất tại khu vực G, phường K thành phố Cần Thơ, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xác định phần tài sản theo kết quả đo đạc thực tế diện tích đất 13360.5m^2 thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) theo di chúc lập ngày 01/05/2005 của ông Trần Văn S để lại là thuộc quyền sở hữu của ông Trần Văn E, để ông Trần Văn E có đủ điều kiện thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thi hành án là trả nợ cho bà Ong Thị Lệ .

Thấy rằng: Ông Trần Văn S, sinh năm 1927 (đã chết) và bà Hồ Thị K, sinh năm 1931 (đã chết) quá trình chung sống với nhau có tất cả bảy người con gồm: Bà Trần Thị T, sinh năm 1952; ông Trần Văn V, sinh năm 1955; ông Trần Văn E, sinh năm 1957; ông Trần Văn M, sinh năm 1959; ông Trần Văn T2, sinh năm 1962 (đã chết); ông Trần Văn D, sinh năm 1969 và bà Trần Thị P, sinh năm 1972. Ngoài ra, ông S và bà K không có con riêng hay người con nuôi nào khác.

Xét về tính hợp pháp của tờ di chúc nhận thấy: Tờ di chúc được lập ngày 01/5/2005 do ông Trần Văn S ký tên và được Ủy ban nhân dân xã H chứng thực ngày 07/11/2005, nội dung tờ di chúc thể hiện ông Trần Văn S cho ông Trần Văn E phần đất có diện tích 15.000m^2 thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), tọa lạc ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc trăng (nay là ấp G, phường K, thành phố Cần Thơ), các đồng thừa kế không có tranh chấp về nội dung tờ di chúc, các bên thống nhất di chúc là hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào tờ di chúc lập ngày 01/5/2005 để công nhận quyền sở hữu đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần Văn E là đảm bảo có căn cứ theo quy định tại Điều 631 BLDS năm 2015.

[3.2] Xem xét phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của ông Trần

Văn E tại thửa đất số 195, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0629622 cấp cho hộ ông Trần Văn S vào ngày 20/4/1996. Theo đo đạc thực tế là thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ) với diện tích 13360.5m^2, đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ). Như vậy có đủ căn cứ để xác định đây là tài sản của ông Trần Văn E.

[3.3] Về diện tích đất nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định: là phần đất tại thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ). Theo kết quả đo đạc, thẩm định của Tòa án thì phần đất có số đo thực tế là 13360.5m^2 số, đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp với thửa 46 có số đo 66.73m
- Hướng Tây giáp thửa số 01 có số đo 65.74m
- Hướng Nam giáp thửa 02 có số đo 100.89m, giáp thửa 52 có số đo 100.45m
- Hướng Bắc giáp thửa 42 có số đo 200.03m

Tổng diện tích: 13360.5m^2 loại đất 1L (LUK)

[3.4] Xét về hiện trạng đang sử dụng đất nhận thấy: Ông Trần Văn E là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đối với phần diện tích đất 15.000m^2 theo đo đạc thực tế 13360.5m^2 thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), đất tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ).

[3.5] Tại các biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, ông Trần Văn V, ông Trần Văn M, ông Trần Văn D, bà Trần Thị P và ông Trần Văn M1 đều khẳng định nguồn gốc quyền sử dụng đất ông Trần Văn E đang quản lý, sử dụng là do cha mẹ để lại cho ông Trần Văn E, các anh em đều thống nhất thực hiện theo nội dung di chúc của ông Trần Văn S lập ngày 01/5/2005 về việc cho ông Trần Văn E phần đất có diện tích 15.000m^2 (đo đạc thực tế 13360.5m^2) thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc trăng (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ), do các anh em đã được cha mẹ chia đất xong nên không yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Trần Văn S để lại.

Căn cứ Công văn số 127 ngày 11/02/2025 (BL 70-71) của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã V trả lời: Ông Trần Văn E có đăng ký theo hồ sơ dự án tổng thể, nguồn gốc đất trên đơn "*Nhận thừa kế của cha một phần thửa 195, tờ bản đồ số 02*" do hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.6] Đối với lời trình bày của bị đơn ông Trần Văn E là diện tích đất 15.000m^2 (đo đạc thực tế 13360.5m^2) thuộc thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ), hiện đang do ông E quản lý là do cha mẹ cho mượn đất để làm ăn chứ không được sang bán. Qua các chứng cứ như đã phân tích trên thấy rằng việc bị đơn ông Trần Văn E cho rằng phần đất trên chỉ được cha mẹ cho mượn là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Qua các chứng cứ như đã phân tích trên thấy rằng việc bị đơn ông Trần Văn E cho rằng phần đất trên chỉ được cha mẹ cho mượn là không có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ), diện tích 13360.5m^2 tọa lạc tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc trăng (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) là di sản thừa kế do ông Trần Văn S để lại cho ông Trần Văn E.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản: Số tiền 10.378.987 đồng (mười triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu, nguyên đơn đã thực hiện xong.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L được chấp nhận, nên bị đơn ông Trần Văn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Ông Trần Văn E là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên bị đơn Em phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228**;** Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân.

- Căn cứ Điều 74 của Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Điều 631, Điều 659 của Bộ luật dân sự

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ong Thị L đối với bị đơn ông Trần Văn E.

Xác định tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0629622 được ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 20/4/1996 cho hộ ông Trần Văn S, sinh năm 1927, địa chỉ ấp G, xã H, thị xã V (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) thuộc tài sản của ông Trần Văn E để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

Thửa đất số 47 (thửa 195 cũ), tờ bản đồ số 15 (tờ bản đồ số 02 cũ) vị trí đất tại ấp G, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là khu vực G, phường K, thành phố Cần Thơ) có số đo tứ cận như sau.

- Hướng Đông giáp với thửa 46 có số đo 66.73m
- Hướng Tây giáp thửa số 01 có số đo 65.74m
- Hướng Nam giáp thửa 02 có số đo 100.89m, giáp thửa 52 có số đo 100.45m
- Hướng Bắc giáp thửa 42 có số đo 200.03m

Tổng diện tích: 13360.5m^2 loại đất 1L (LUK)

(Vị trí, số đo tứ cận của phần đất được thể hiện cụ thể trong sơ đồ kèm theo bản án).

4/ Về chi phí thẩm định tài sản: Số tiền 10.378.987 đồng (mười triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu, nguyên đơn đã thực hiện xong.

5/ Án phí dân sự sơ thẩm**:**

- Nguyên đơn bà Ong Thị L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

- Bị đơn ông Trần Văn E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ).

6/ Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ (Phòng GĐ,TT, KT&THA);
- VKSND khu vực 8- Cần Thơ;
- Đương sự;
- THADS TP Cần Thơ (Khu vực 8);
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng